

LA BÀN ĐẦU TƯ

Tuần 16/06 - 20/06/2025



Bàn tròn thảo luận 8h45 – 9h15 thứ 2 hàng tuần qua
ZOOM

Nơi hội tụ và lan tỏa tri thức của các chuyên gia VNDIRECT

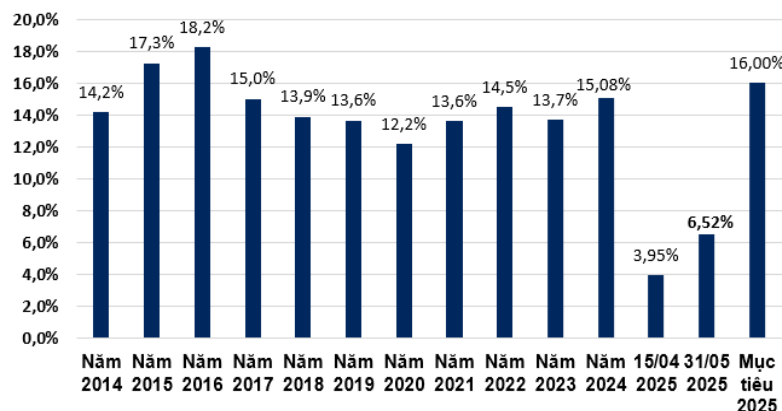
www.vndirect.com.vn

1. Tiêu điểm vĩ mô & sự kiện tuần qua

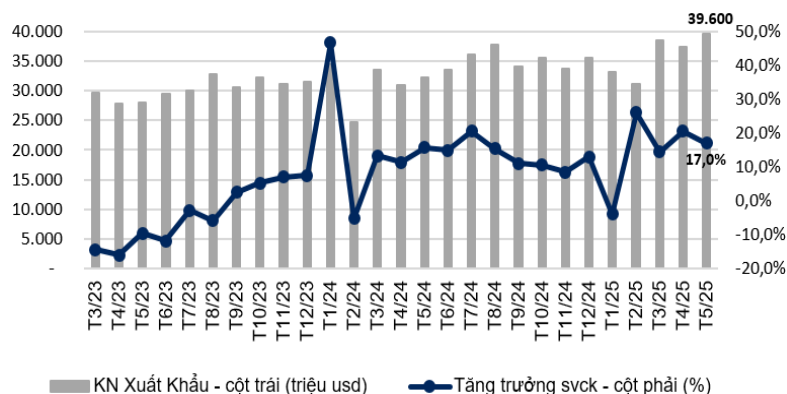


Việt Nam: Tín dụng tăng trưởng tích cực

Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống



Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam

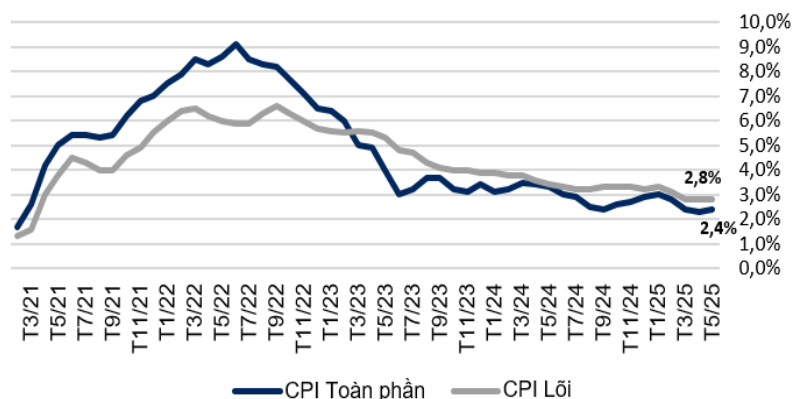


www.vndirect.com.vn

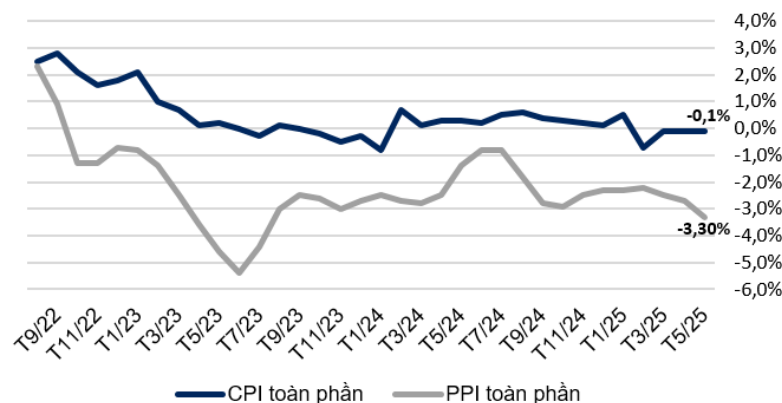
- Tăng trưởng tín dụng tính đến ngày 31/05 tăng 6,52% so với cuối năm 2024, khởi sắc hơn so với mức tăng 2,41% của cùng kỳ năm 2024.
- Hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam duy trì tăng trưởng trong T5/25 với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 78,6 tỷ usd tăng 15,5% yoy.
 - Theo số liệu của Ngân hàng nhà nước (NHNN), tính đến ngày 31/5, tín dụng toàn nền kinh tế đã tăng 6,52% so với cuối năm 2024, cao hơn đáng kể so với con số 2,41% cùng kỳ năm 2024. Theo NHNN, sự phục hồi mạnh của tín dụng phản ánh nhu cầu vốn tăng, nhờ thanh khoản hệ thống ngân hàng dồi dào và lãi suất điều hành được dự báo duy trì để hỗ trợ các ngân hàng thương mại nên mặt bằng lãi suất huy động và cho vay cũng ổn định trong những tháng qua. Về lãi suất cho vay, tính đến ngày 10/4, lãi suất cho vay bình quân với các giao dịch phát sinh mới của các ngân hàng ở mức 6,34%/năm, giảm 0,6%/năm so với cuối năm 2024.
 - Hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam duy trì tăng trưởng trong T5/25 với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 78,6 tỷ usd, tăng 15,5% yoy. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu trong T5/25 đạt 39,6 tỷ usd tăng 17% yoy, lũy kế 5T2025 kim ngạch xuất khẩu đạt 180,23 tỷ usd tăng 14% yoy. Kim ngạch nhập khẩu trong T5/25 đạt 39,04 tỷ usd tăng 14,1% yoy, lũy kế 5T2025 kim ngạch nhập khẩu đạt 175,56 tỷ usd, tăng 17,5% yoy. Cán cân thương mại 5 tháng đầu năm thặng dư 4,67 tỷ usd.
 - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần T5/25 của Việt Nam tăng 0,16% mom và tăng 3,24% yoy, nhích tăng so với mức tăng 3,12% yoy của T4/25. CPI cơ bản (không gồm giá thực phẩm, năng lượng và các mặt hàng có giá do nhà nước quản lý) tăng 0,33% mom và tăng 3,33% yoy, cũng nhích tăng so với mức tăng 3,05% yoy của T4/25. Trong T5/25 có 10/11 nhóm hàng hóa tăng giá, trong đó nhóm nhà ở, điện nước và VLXD tăng mạnh nhất với mức tăng 0,73% mom.

Thế Giới: CPI tháng 5 của Mỹ tăng thấp hơn dự báo, Trung Quốc vẫn đứng trước áp lực giảm phát

Chỉ số CPI của Mỹ



Chỉ số CPI và PPI của Trung Quốc



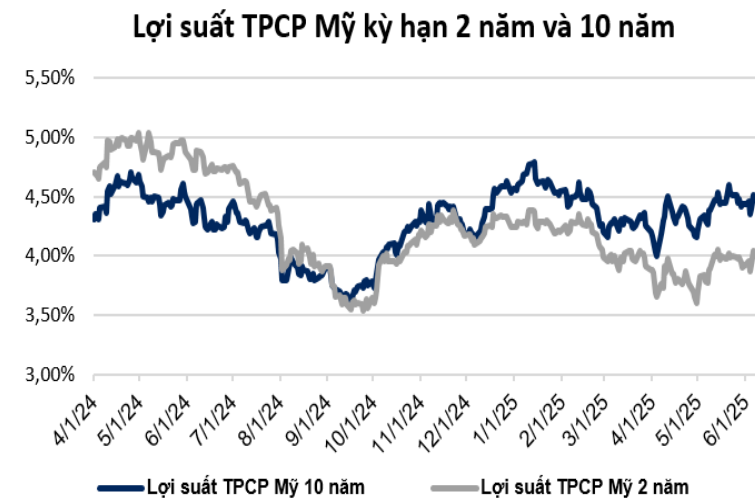
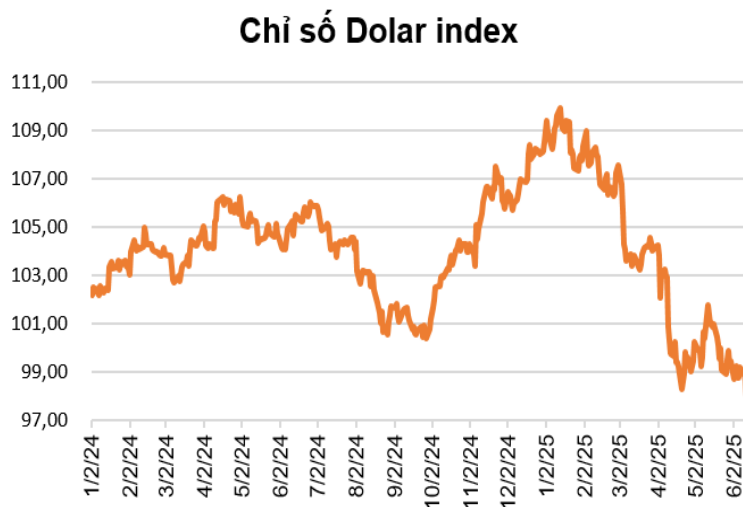
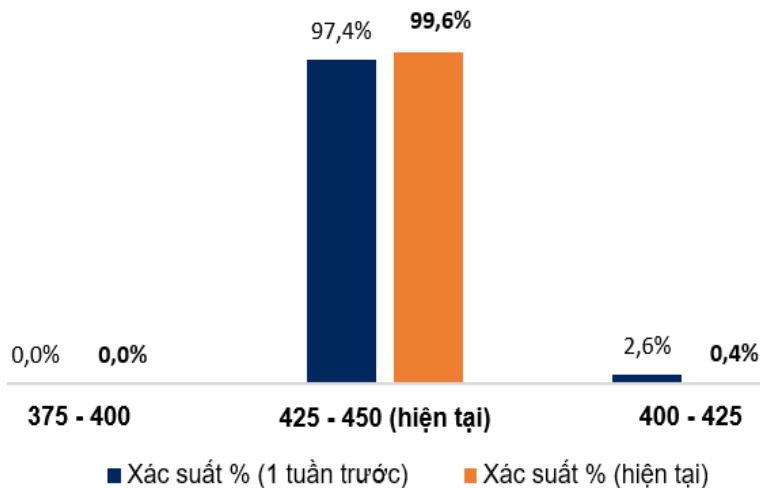
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần và CPI lõi T5/25 của Mỹ tăng lần lượt 2,4% yoy và 2,8% yoy, cùng thấp hơn so với mức dự báo.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) T5/25 của Trung Quốc giảm 0,1% yoy, ghi nhận tăng trưởng âm tháng thứ 4 liên tiếp.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần T5/25 của Mỹ tăng 0,1% mom và tăng 2,4% yoy, thấp hơn so với dự báo tăng 0,2% mom và 2,5% yoy của các chuyên gia, tuy nhiên nhích tăng so với mức tăng 2,3% yoy của T4/25. Trong khi CPI lõi T5/25 tăng 0,1% mom và tăng 2,8% yoy, thấp hơn so với dự báo tăng 0,3% mom và 2,9% yoy và đi ngang so với mức tăng của cùng kỳ T4/25. Trong T5/25 nhóm thực phẩm và nhóm hàng hóa không bao gồm thực phẩm và năng lượng cùng tăng 0,1% mom, trong khi nhóm năng lượng giảm 1% mom. Chỉ số giá sản xuất (PPI) của Mỹ cũng tăng thấp hơn dự báo trong T5/25 khi PPI toàn phần tăng 0,1% mom và tăng 2,6% yoy, thấp hơn mức dự báo tăng 0,2% mom và 2,6% yoy. PPI lõi T5/25 tăng 0,1% mom và tăng 3,0% yoy, thấp hơn so với mức dự báo tăng 0,3% mom và 3,1% yoy và cũng hạ nhiệt so với mức tăng 3,2% yoy của T4/25.
- Theo số liệu của Cục Thống Kê Quốc Gia Trung Quốc, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) T5/25 của nước này giảm 0,2% mom và giảm 0,1% yoy, tốt hơn so với mức dự báo giảm 0,2% yoy của các chuyên gia. Đây là tháng thứ 4 liên tiếp CPI của nước này tăng trưởng âm. Chỉ số giá sản xuất (PPI) T5/25 của Trung Quốc cũng duy trì đà giảm với mức giảm 3% yoy, đây là mức giảm thấp nhất của chỉ số này trong vòng 22 tháng qua. Các số liệu này cho thấy Trung Quốc vẫn đang đối mặt với sức ép giảm phát kéo dài. Cuộc chiến giá trong ngành ô tô là tín hiệu cho thấy cạnh tranh khốc liệt sẽ kéo giá cả xuống thấp hơn nữa. Các số liệu này cũng cho thấy các biện pháp kích thích của giới chức Trung Quốc thời gian qua dường như chưa đủ kéo tiêu dùng nội địa lên cao, trong bối cảnh căng thẳng thương mại gia tăng.

Dự báo của thị trường nghiêng về kịch bản Fed sẽ giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp T6/2025

99,6% các nhà giao dịch dự báo Fed sẽ giữ nguyên lãi suất điều hành và 0,4% dự báo Fed sẽ giảm 0,25% lãi suất điều hành trong cuộc họp tháng 6.2025.

DXY đóng cửa ở mức 98,14 điểm, giảm 1,07% wow và giảm 9,54% so với đầu năm 2025 (ytd).

Lãi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 2 năm ở mức 3,95% giảm 8,7 bps wow và giảm 29,2 bps ytd; LS kỳ hạn 10 năm ở mức 4,41% giảm 9,9 bps wow và giảm 16,2 bps ytd



Chỉ số Dollar Index giảm mạnh, trong khi Lãi suất TPCP Mỹ giảm trong tuần qua khi các nhà đầu tư có xu hướng chuyển dịch dòng tiền khỏi đồng USD sang các tài sản trú ẩn an toàn khác như vàng, đồng yên Nhật và TPCP Mỹ sau khi xung đột giữa Israel và Iran bùng phát và leo thang (cuộc họp tháng 6/2025 của Fed sẽ diễn ra vào thứ 4, ngày 18/06/25 theo giờ địa phương).

Lịch sự kiện quan trọng tuần này

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Ba 17/06/2025	Mỹ	Doanh số bán lẻ tháng 5.2025
Thứ Tư 18/06/2025	Mỹ	Cuộc họp chính sách và quyết định lãi suất kỳ họp tháng 6.2025
Thứ Năm 19/06/2025	Việt Nam	Đáo hạn hợp đồng phái sinh tháng 6.2025

2. Chiến lược đầu tư đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện



Chiến lược đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

Môi trường vĩ mô duy trì hỗ trợ, kênh chứng khoán vẫn là lựa chọn hàng đầu hiện nay

Đánh giá các yếu tố vĩ mô/sự kiện chính	Đánh giá tác động với các kênh tài sản chính
Các NHTW trên thế giới đang bắt đầu đảo chiều chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế	- Trên toàn cầu, chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ đang dần kết thúc khi ngày càng nhiều ngân hàng trung ương lớn đã cắt giảm hoặc chuẩn bị cắt giảm lãi suất chính sách trong năm 2024. Từ đầu năm 2024, đã có 74 lần cắt giảm lãi suất trên toàn cầu, bao gồm các ngân hàng lớn như ECB, SNB và BOC. Con số này cao hơn nhiều so với chỉ 16 lần tăng lãi suất trên toàn cầu kể từ đầu năm nay. - Xu hướng giảm lãi suất chính sách sẽ trở nên nổi bật hơn trong nửa cuối năm 2024 và sau đó, nhờ đó làm dịu môi trường tín dụng và hỗ trợ dòng vốn đầu tư toàn cầu. Các tài sản tại các thị trường mới nổi và cận biên sẽ hưởng lợi từ sự thay đổi này.
Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024	- Tại Việt Nam, nền tảng kinh tế vĩ mô vẫn vững chắc. Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024 nhờ hoạt động sản xuất cải thiện, triển vọng xuất khẩu tích cực và chính sách tài khóa mở rộng. Trong khi đó, các thách thức kinh tế như lạm phát và áp lực tỷ giá có thể dần hạ nhiệt vào cuối năm nay. - Nền tảng kinh tế vĩ mô và thị trường vẫn hỗ trợ cho một cách tiếp cận chủ động và chấp nhận rủi ro trong nửa cuối năm 2024. Triển vọng cổ phiếu vẫn khá tích cực. Mặc dù đà tăng của chỉ số chung có thể bị hạn chế do đợt tăng mạnh trước đó vào nửa đầu năm 2024, nhưng thị trường vẫn chứa đựng một số cơ hội đầu tư nổi bật trong một số ngành. - Vàng miếng có thể mất đi sức hấp dẫn khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) hành động mạnh mẽ để quản lý kênh đầu tư này. - Tiền gửi sẽ vẫn là lựa chọn của phần lớn các nhà đầu tư không chuyên, đặc biệt khi lãi suất có xu hướng tăng dù ở mức độ vừa phải. Trong khi đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản đang bước vào giai đoạn phục hồi ban đầu và sẽ cần những cách tiếp cận chuyên nghiệp và đầu tư dài hạn.

Đánh giá triển vọng các kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

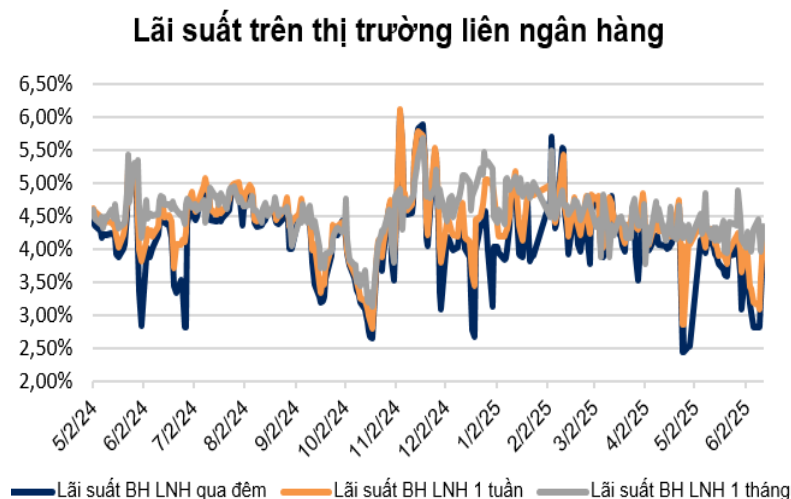
	Ngắn hạn (< 3 tháng)			Trung hạn (>3 tháng - 1 năm)			Dài hạn (> 1 năm)		
	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Tiền gửi tiết kiệm		x			x			x	
Cổ phiếu			x			x			x
Trái phiếu chính phủ		x			x			x	
Bất động sản		x			x			x	
Vàng	x				x			x	
USD		x			x			x	

3. La bàn thị trường đa kênh tài sản

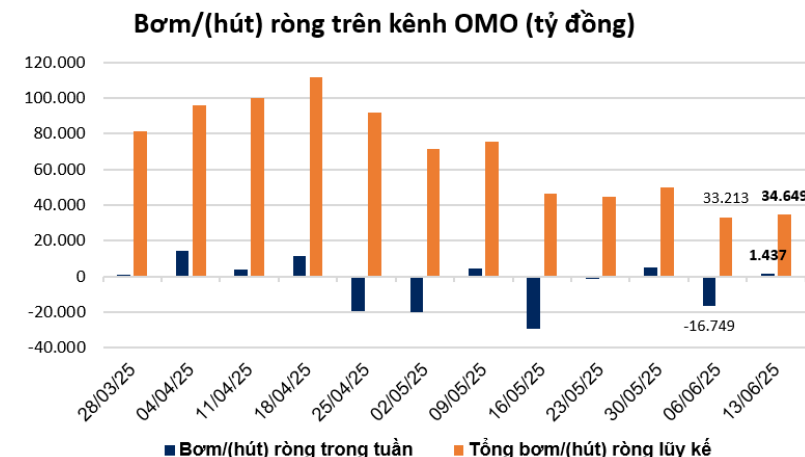


3.1 Thị trường tiền tệ VN: Tỷ giá USD-VND tiếp tục nhích tăng

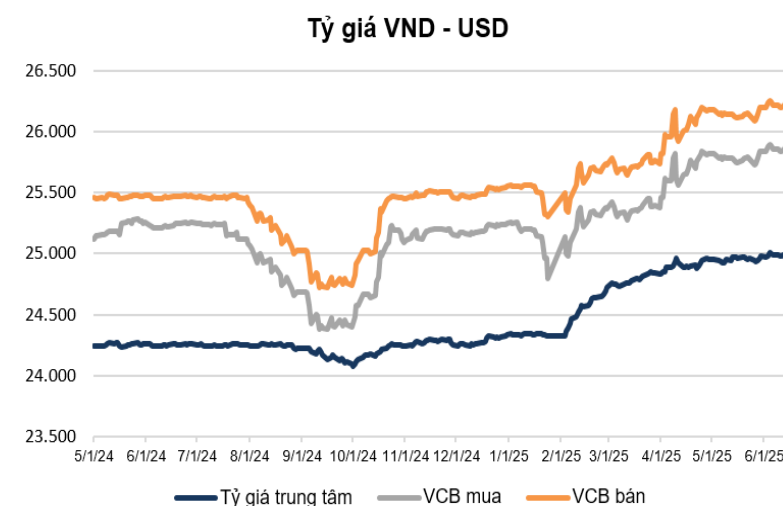
Lãi suất LNH tăng trở về vùng cân bằng. Kỳ hạn qua đêm hiện ở mức 4,04% (+ 98 bps wow), kỳ hạn 1 tuần ở mức 4,14% (+ 73 bps wow), kỳ hạn 1 tháng hiện ở mức 4,34% (+ 36 bps wow) (số liệu cập nhật hết ngày 12/06/2025)



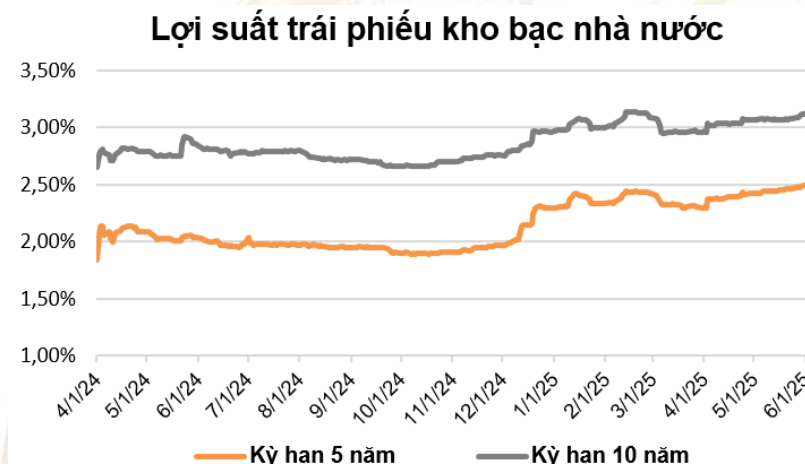
NHNN bơm ròng nhẹ trên kênh OMO với giá trị bơm ròng trong tuần là 1.437 tỷ đồng. Hiện tổng giá trị bơm ròng lũy kế còn 34.649 tỷ đồng.



Tỷ giá USD-VND duy trì đà tăng. Hiện giá mua và bán tại Vietcombank lần lượt là 25.863 đ và 26.223 đ tăng 0,01% so với tuần trước (wow) và tăng 2,63% tính từ đầu năm 2025 (theo giá bán) (ytd). Tỷ giá trung tâm hiện là 24.975 đ tăng 2,63% ytd
www.vndirect.com.vn

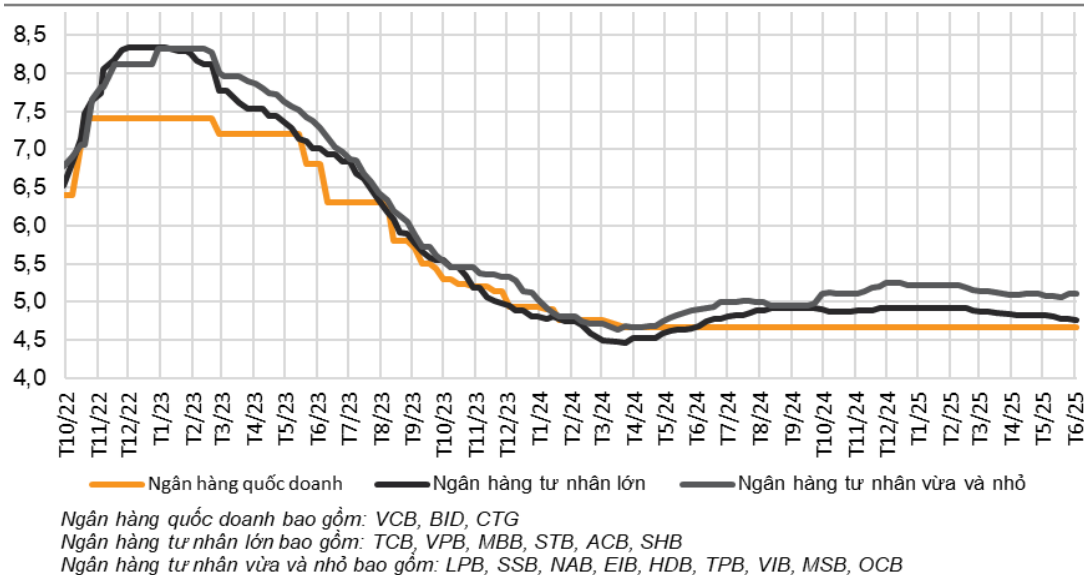


Lợi suất TP KBNN nhích tăng, lợi suất kỳ hạn 10 năm hiện ở mức 3,16%, tăng 1 bps so với tuần trước (wow) và tăng 19 bps kể từ đầu năm 2025 (ytd), lợi suất TP kỳ hạn 5 năm hiện ở mức 2,54% tăng 2 bps wow và tăng 25 bps ytd.

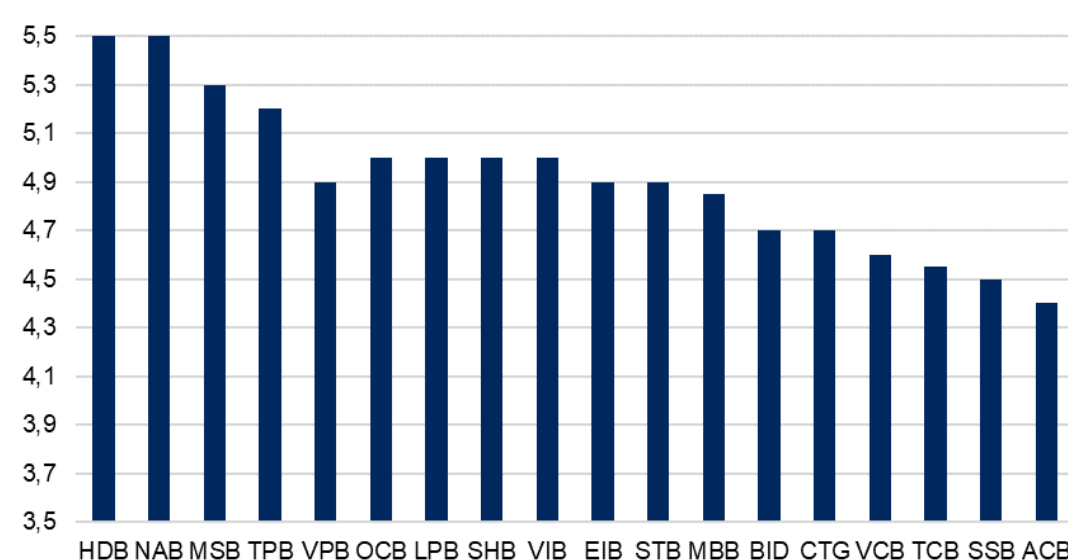


VPB giảm lãi suất huy động

Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12T của các nhóm Ngân hàng



Thống kê lãi suất tiền gửi 12 tháng của một số ngân hàng

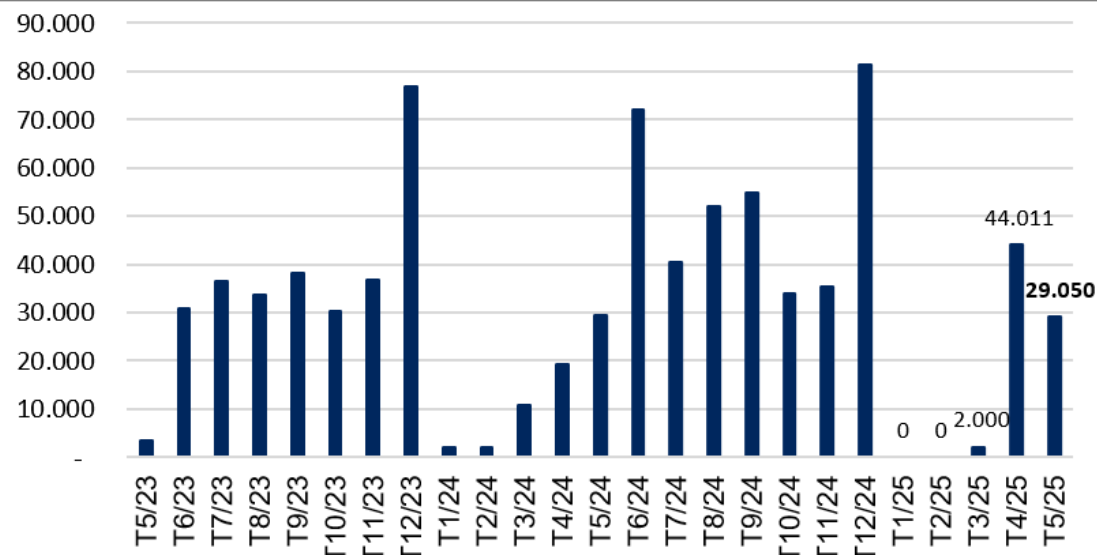


- Trong tuần từ 06/06/2025 – 13/06/2025, lãi suất huy động của nhóm NH tư nhân lớn giảm chủ yếu do VPB giảm lãi suất huy động 0,1% điểm % ở mọi kỳ hạn.
- Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các NH quốc doanh và các NH tư nhân vừa và nhỏ lần lượt giữ nguyên tại mức 4,67%/năm và 5,1%/năm. Trong khi đó, bình quân lãi suất kỳ hạn 12 tháng của các NH tư nhân lớn giảm nhẹ 0,01 điểm % xuống 4,77%.

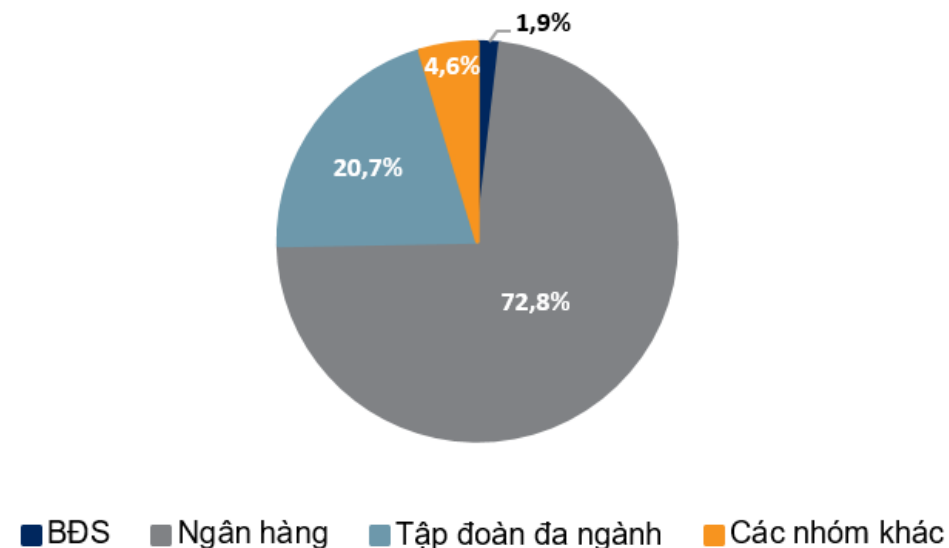
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Nhóm Ngân hàng duy trì phát hành giúp hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tiếp tục ấm lên trong tháng 5

Giá trị TPDN riêng lẻ phát hành theo tháng (đơn vị: tỷ đồng)
- số liệu được tổng hợp đến ngày 29/05/25



Cơ cấu TPDNRL phát hành theo nhóm ngành trong T5/25 - số liệu được tổng hợp đến ngày 29/05/25

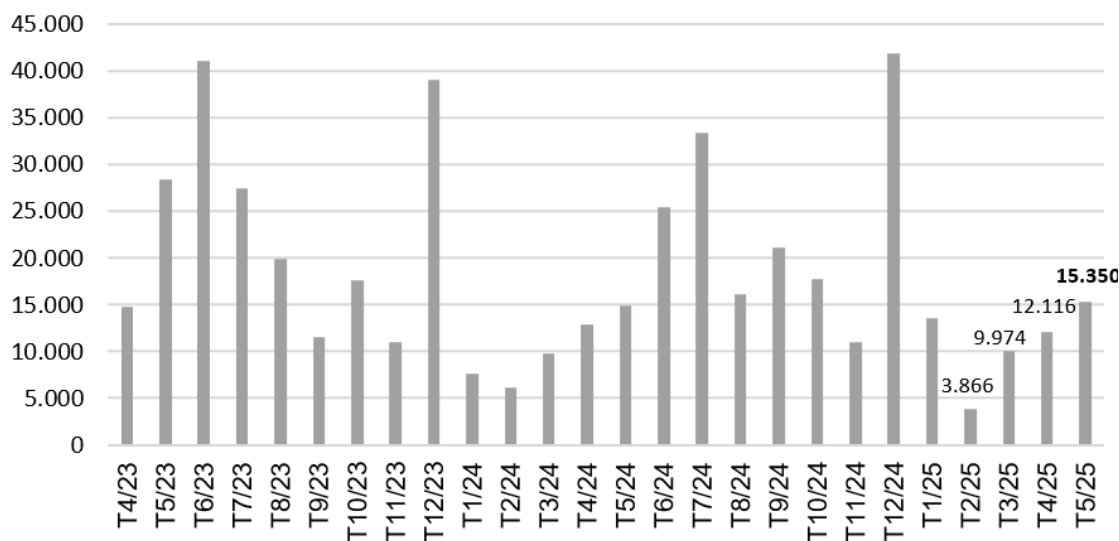


- Theo số liệu được công bố đến ngày 28/05/25, trong T5/25 có 32 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (TPDNRL) thành công với tổng giá phát hành đạt hơn 29 nghìn tỷ đồng, giảm 34% so với tháng trước và thấp hơn 1,3% svck. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2025 tổng giá trị TPDNRL phát hành đạt hơn 75 nghìn tỷ đồng, tăng 17,7% svck.
- Hoạt động phát hành TPDNRL tiếp tục ấm lên trong T5/25 khi nhóm Ngân hàng duy trì phát hành. Trong T5/25 nhóm Ngân hàng đã phát hành 23 đợt TPDNRL với tổng giá trị phát hành đạt hơn 21 nghìn tỷ đồng, chiếm 72,8% tổng giá trị TPDNRL phát hành. Trong T5/25 nhóm Bất động sản chỉ có 2 đợt phát hành thành công với giá trị phát hành đạt hơn 530 tỷ đồng, chiếm 1,9% tổng giá trị TPDNRL phát hành.

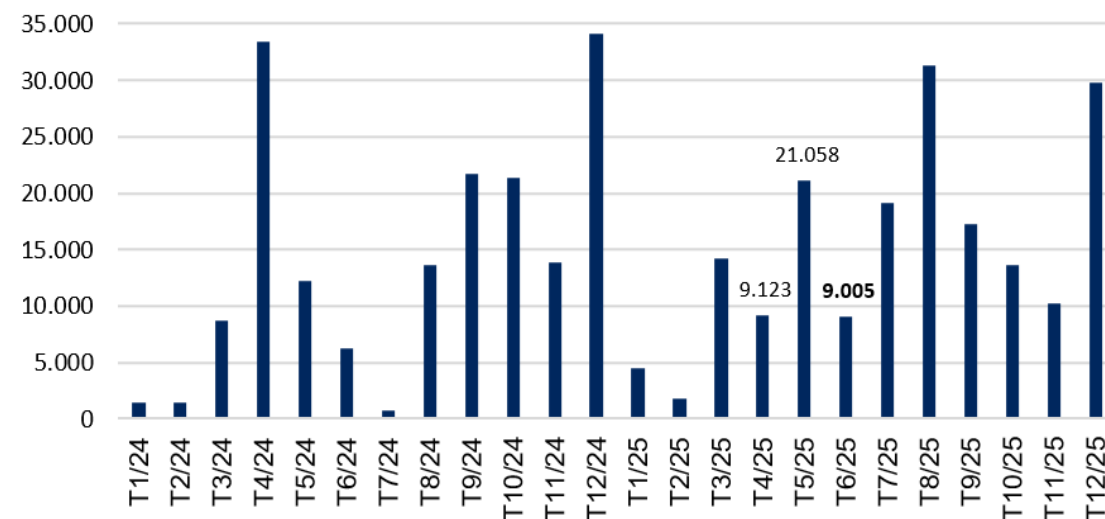
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Áp lực TPDN đáo hạn hạ nhiệt trong tháng 6

Tổng giá TPDN riêng lẻ mua lại trước hạn theo tháng (đơn vị: tỷ đồng) - số liệu được tổng hợp đến ngày 29/05/25



Giá trị TPDN đáo hạn theo tháng (Đơn vị: tỷ đồng) - thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn và các TP đã được gia hạn kỳ hạn đến ngày 29/05/25

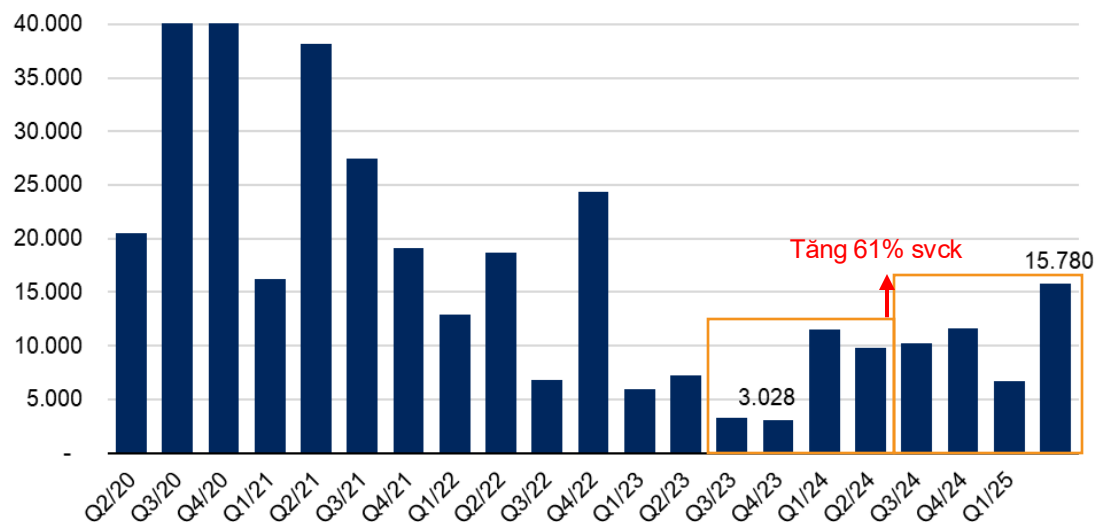


- Hoạt động mua lại TPDNRL trước hạn có sự cải thiện trong T5/25, với tổng giá trị TPDNRL được mua lại trong T5/25 đạt hơn 15,3 nghìn tỷ đồng, tăng 26,7% so với tháng trước và tăng 3,3% svck. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2025 tổng giá trị TPDNRL được mua lại trước hạn đạt gần 55 nghìn tỷ đồng, tăng 7,2% svck.
- Theo số liệu của chúng tôi trong T6/25 sẽ có khoảng hơn 9 nghìn tỷ đồng TPDNRL đáo hạn, giảm 57% so với tháng trước. Áp lực đáo hạn hạ nhiệt trong T6/25 sau đó tăng trở lại trong T7/25.

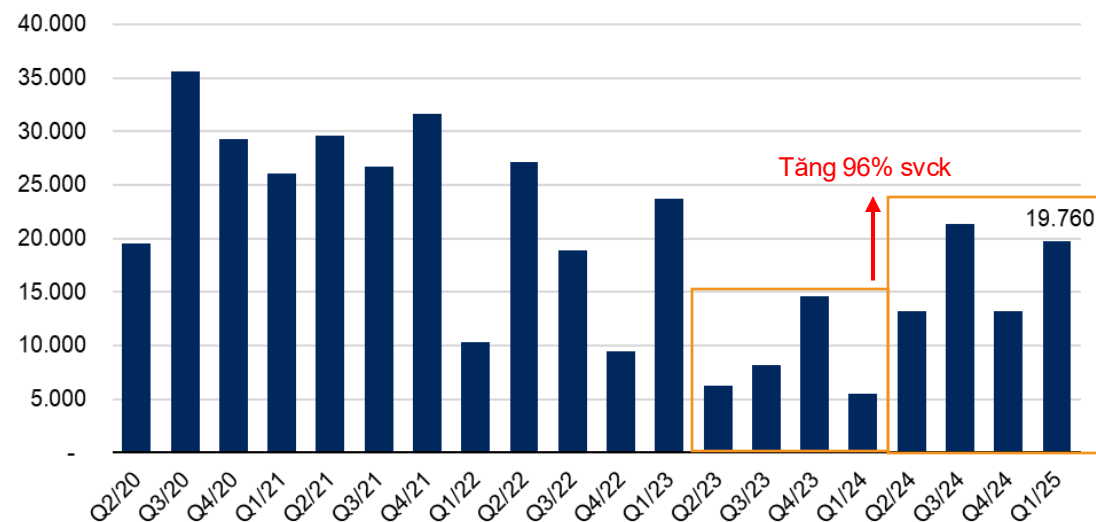
3.3 Thị trường Bất động sản

Nguồn cung dự kiến sẽ tăng lên, thị trường bất động sản ảm dần lên

Số căn nhà ở thương mại (gồm chung cư, nhà ở riêng lẻ) được cấp phép mới (đơn vị: căn)



Số căn nhà ở thương mại (gồm chung cư, nhà ở riêng lẻ) đủ điều kiện mở bán hình thành trong tương lai (đơn vị: căn)

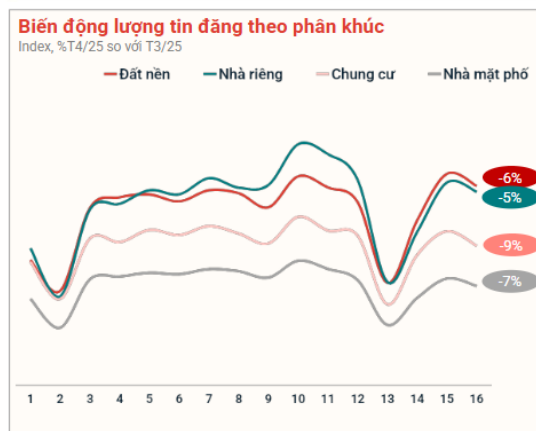
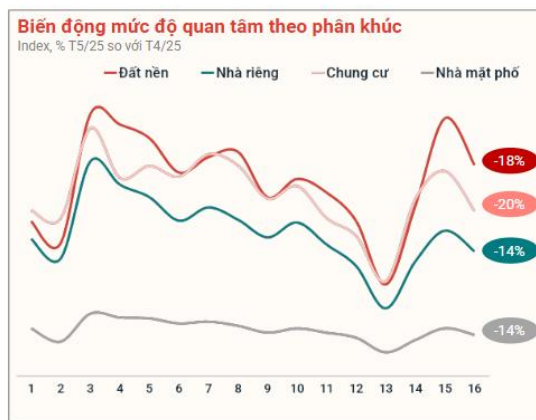


- Nhờ nỗ lực gỡ vướng pháp lý và luật Bất động sản mới, số căn nhà ở thương mại được cấp phép mới (hình trái) và đủ điều kiện mở bán hình thành trong tương lai (hình phải) đã cải thiện đáng kể, tăng lần lượt 61%/96% svck. Tuy nhiên, hầu hết các dự án chủ yếu vẫn đến từ miền Bắc, trong khi miền Nam vẫn còn chậm.
- Nguồn cung căn hộ tại Hà Nội khiêm tốn, khoảng 3.920 căn (7 dự án) mở bán mới, so với mức trung bình 8.000-9.000 căn/quý của 3 quý trước. Nguồn cung căn hộ tại TP.HCM vẫn khan hiếm chỉ 350 căn hộ từ các dự án cũ, nhưng nguồn cung mới đến từ các khu vực xung quanh TP.HCM như Bình Dương, Long An, Đồng Nai, mà Bình Dương dẫn đầu nguồn cung.

3.3 Thị trường Bất động sản

Thị trường có ghi nhận sự “giảm tốc” trên diện rộng về mức độ quan tâm, lượng đăng tin và giao dịch

Theo dữ liệu từ batdongsan.com.vn, sau 3 tháng sôi động, thị trường bất động sản có dấu hiệu “hạ nhiệt” trong tháng 4/2025 chủ yếu đến từ kỳ nghỉ lễ kéo dài:



Tại khu vực phía Bắc, giá chung cư Hà Nội chững lại do nguồn cung giảm, sức mua chậm lại sau thời gian dài tăng nóng. Nguồn cung nhà thấp tầng ghi nhận giao dịch mở mới lớn đến từ dự án Vinhomes Wonder City (Đan Phượng). Trong tháng 5, việc khởi công xây dựng cầu Tứ Liên giúp kết nối Đông Anh, cùng với sự phát triển hạ tầng giao thông như vành đai 3.5, Đại lộ Thăng Long, quốc lộ 32 và các dự án metro sẽ giúp dịch chuyển nguồn cung và sức cầu về các khu vực vùng ven như Hoài Đức, Đông Anh, Đan Phượng. Bên cạnh đó, Hải Phòng và Hưng Yên là hai tỉnh được quan tâm tìm kiếm nhiều nhất trong tháng 4.

Tại khu vực phía Nam, trong ba tuần đầu tháng 4, lượng giao dịch BĐS tại TP.HCM, Bình Dương, Long An, Đồng Nai, BRVT, và Tây Ninh giảm 30-40% so với tháng trước. Trong đó, khu vực Bình Dương nhận được mức quan tâm cao nhất, với nguồn cung căn hộ đáng kể, kể đến là BRVT và Long An. Bên cạnh đó, các dự án hạ tầng giao thông như vành đai 3, cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu (dự kiến thông xe vào dịp 2/9), sân bay Long Thành (dự kiến hoàn thành cơ bản vào cuối năm 2025, và đưa vào khai thác nửa đầu năm 2026). UBND TP.HCM cũng đặt mục tiêu khởi công cầu Cần Giờ trong năm 2025, và hoàn thành năm 2028.

Nguyên nhân khiến thị trường chững lại chủ yếu do kỳ vọng về sáp nhập địa chính dần hạ nhiệt; nguồn cung mới chủ yếu thuộc phân khúc cao cấp, vượt khả năng chi trả của phần lớn người mua; và tâm lý e ngại rủi ro từ giới đầu tư nhỏ lẻ sau nhiều đợt “sốt đất”.

3.4 Thị trường hàng hóa

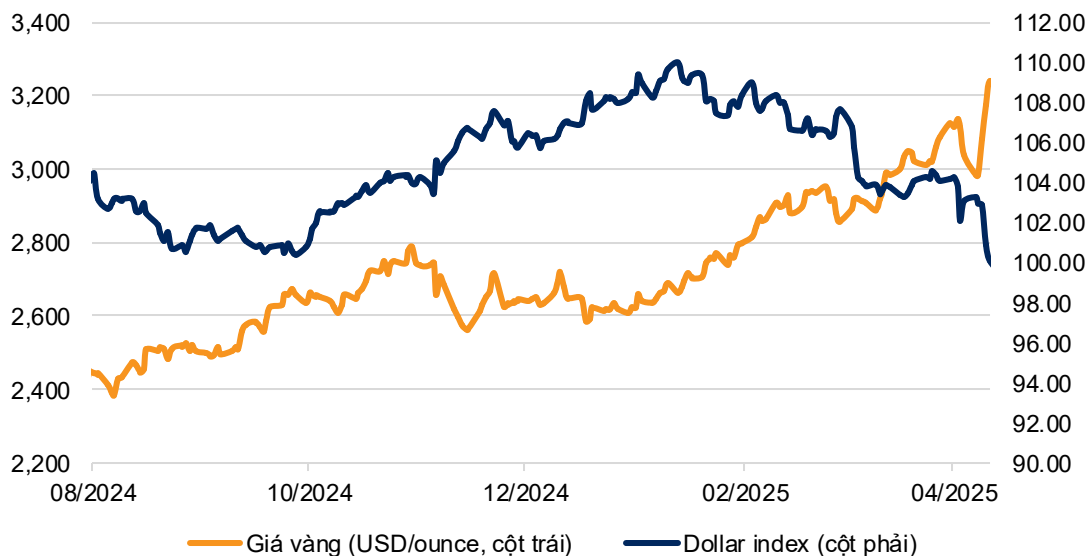
Diễn biến giá một số loại hàng hóa chúng tôi theo dõi (dữ liệu cập nhật đến ngày 13/06/2025):

		Thay đổi giá trong 1 tuần	Thay đổi giá trong 1 tháng	Thay đổi giá trong 1 năm	Thay đổi giá từ đầu năm 2025	Diễn biến giá trong 1 năm
Năng lượng	Dầu thô	 11,67%	 11,41%	 -10,30%	-0,55%	
	Khí LNG	 7,28%	 9,45%	 7,07%	-12,89%	
Công nghiệp - xây dựng	Than	 -0,24%	 4,70%	 -22,35%	-16,49%	
	Quặng sắt	 -1,00%	 -4,75%	 -10,92%	-8,02%	
	Đồng	 -1,94%	 1,55%	 6,08%	18,07%	
	Niken	 -2,41%	 -3,89%	 -14,07%	-1,23%	
	PVC	 1,62%	 0,87%	 -21,43%	-3,31%	
	Cao su	 -2,25%	 -5,15%	 -14,34%	-21,47%	
Nông nghiệp	Urê	 -0,06%	 1,58%	 12,66%	4,27%	
	Lúa Mỳ	 -4,15%	 6,03%	 -14,23%	-3,58%	
	Gạo tằm 5%	 -0,96%	 -1,01%	 -30,28%	-22,01%	
	Đường	 -0,30%	 -9,77%	 -16,08%	-14,64%	
	Thịt lợn	 0,00%	 0,71%	 4,26%	5,51%	
Kim loại quý	Vàng thời	 3,43%	 5,60%	 48,95%	30,77%	

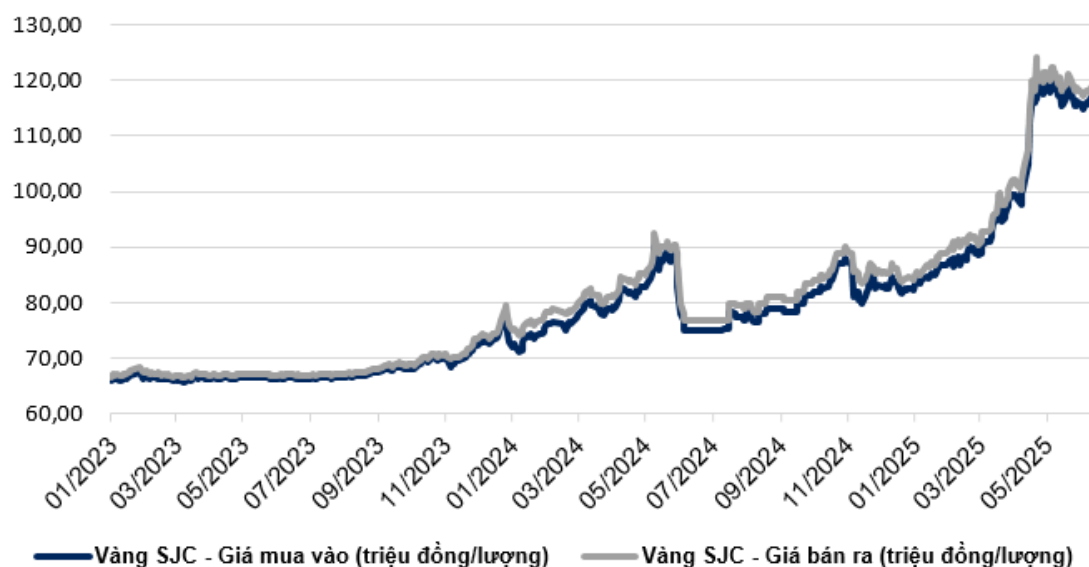
3.4 Thị trường hàng hóa

Giá vàng tăng mạnh khi xung đột Israel – Iran bùng phát và leo thang

Tính đến ngày 13/06, giá vàng thế giới đạt 3.432,18 USD/oz, tăng 3,7% sv tuần trước và tăng 5,6% sv tháng trước



Giá vàng SJC đạt 117,5-120 triệu đồng/lượng ở hai chiều mua bán, lần lượt tăng 1,29%/1,69% sv tuần trước

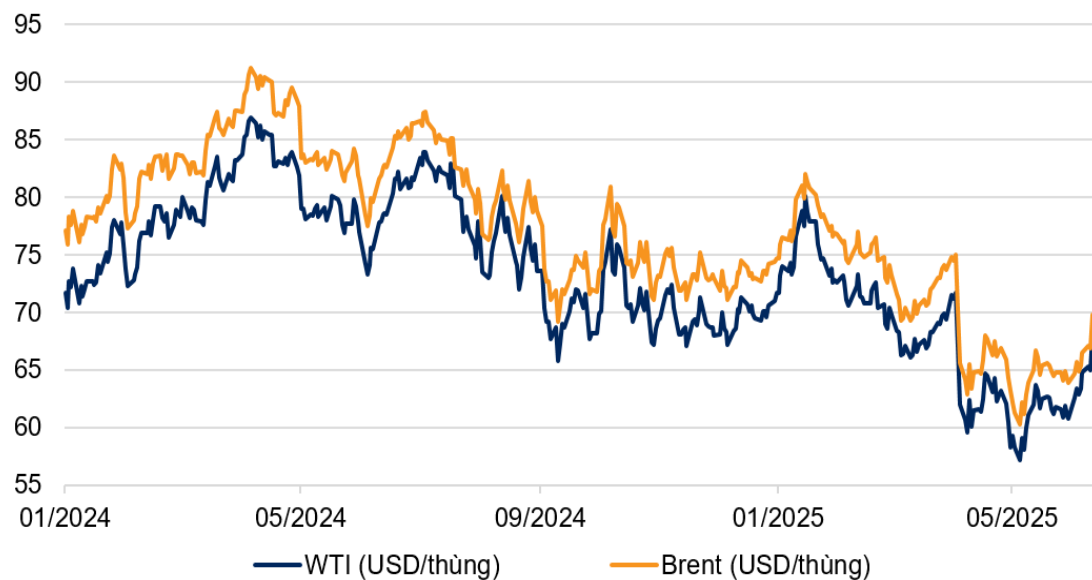


- Giá vàng thế tăng mạnh trong tuần qua khi xung đột Israel – Iran bùng phát sau đợt tấn công bất ngờ của Israel vào các cơ sở hạt nhân và quân sự của Iran.
- Trong nước, giá vàng miếng cũng tăng trở lại. Chênh lệch giữa giá vàng SJC bán ra với giá vàng thời giao ngay tính đến ngày 13/06 ở mức 11,49 triệu đồng/lượng (tỷ giá USD/VND = 26.223).

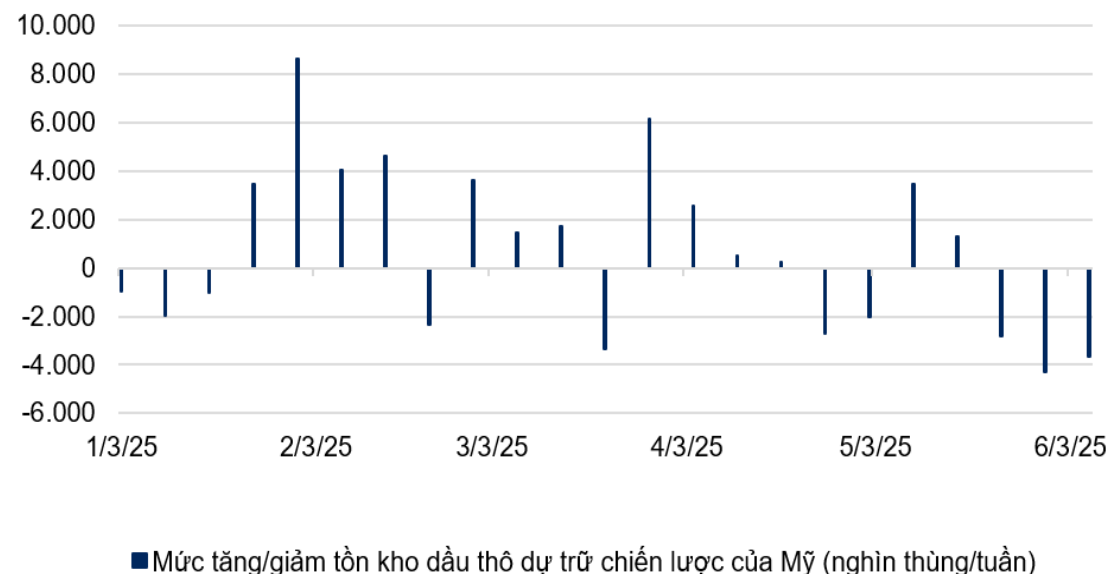
3.4 Thị trường hàng hóa

Giá dầu thô tăng mạnh trước nguy cơ gián đoạn nguồn cung khi xung đột Israel – Iran bùng phát và leo thang

Tính đến ngày 13/06, giá dầu thô WTI và Brent lần lượt đạt 73,18 và 74,23 USD/thùng, tăng 13% và 11,7% sv tuần trước



Tồn kho dầu thô tại Mỹ giảm 3,6 triệu thùng vào tuần kết thúc ngày 06/6



- Giá dầu tăng mạnh trong tuần qua do xung đột Israel – Iran bùng phát và leo thang làm gia tăng nguy cơ gián đoạn nguồn cung. đặc biệt với đe dọa của Iran về việc phong tỏa Eo biển Hormuz (nơi vận chuyển 20% dầu toàn cầu) và những thiệt hại cho hạ tầng dầu mỏ của Iran. Ngoài ra tồn kho dầu thô của Mỹ (thị trường tiêu thụ dầu thô lớn thứ hai thế giới) ghi nhận tuần giảm mạnh thứ 3 liên tiếp, với tổng lượng giảm hơn 10,7 triệu thùng trong 3 tuần cho thấy nhu cầu tiêu thụ dầu tại Mỹ cũng đang gia tăng.

3.5 Thị trường chứng khoán thế giới

Diễn biến các thị trường chứng khoán thế giới và khu vực

Chỉ số	Quốc gia	1 tuần	1 tháng	Từ đầu năm 2025	1 năm
Dow Jones	Mỹ	-1,32%	-0,30%	-0,81%	9,35%
S&P 500	Mỹ	-0,39%	1,01%	1,62%	10,04%
Nasdaq	Mỹ	-0,63%	1,54%	0,50%	9,71%
Euro Stoxx 50	EU	-2,57%	-2,24%	8,07%	9,33%
FTSE 100	Anh	0,14%	2,51%	8,29%	8,64%
Nikkei 225	Nhật Bản	0,25%	0,21%	-5,16%	-2,53%
Shanghai	Trung Quốc	-0,25%	-0,11%	0,75%	11,36%
Hang Seng	Trung Quốc	0,42%	1,87%	19,11%	33,17%
Taiwan Weighted	Đài Loan	2,90%	2,57%	-3,24%	-0,96%
SET	Thái Lan	-1,21%	-6,01%	-19,82%	-14,07%
KOSPI	Hàn Quốc	2,94%	10,42%	20,63%	4,94%
Malaysia Top 100	Malaysia	0,18%	-3,26%	-9,15%	-6,73%
STI Index	Singapore	-0,58%	0,50%	3,27%	18,62%
IDX Composite	Indonesia	0,74%	1,79%	1,22%	6,40%
PHS All Shares	Philippine	0,16%	0,45%	0,98%	9,79%
VN30	Việt Nam	-1,25%	-0,02%	4,20%	6,44%
VNINDEX	Việt Nam	-1,08%	0,17%	3,85%	2,78%

Thị trường chứng khoán Mỹ trải qua 1 tuần giao dịch nhiều biến động khi các chỉ số duy trì tăng điểm trong các phiên giao dịch đầu tuần, tuy nhiên đã giảm mạnh vào phiên giao dịch ngày thứ sáu do tác động từ xung đột Israel - Iran. Kết tuần cả 3 chỉ số chứng khoán chính của Mỹ đều giảm điểm trong đó Dow Jones ghi nhận mức giảm mạnh nhất là 1,32%, trong khi chỉ số Nasdaq và S&P 500 ghi nhận mức giảm thấp hơn với mức giảm dưới 1%.

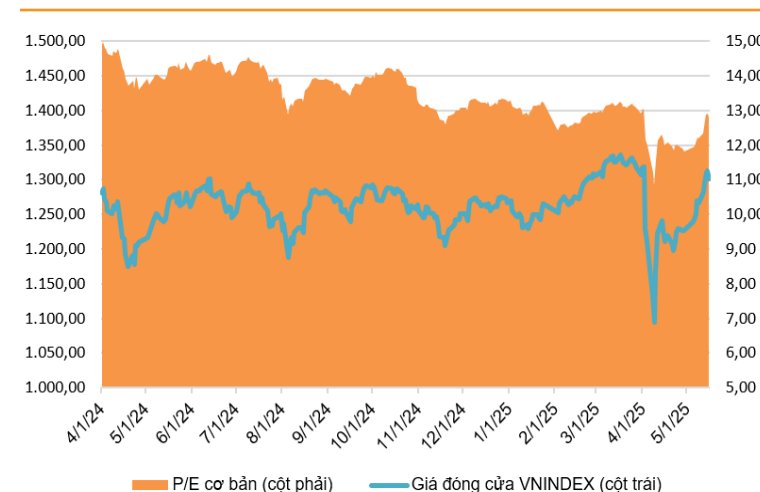
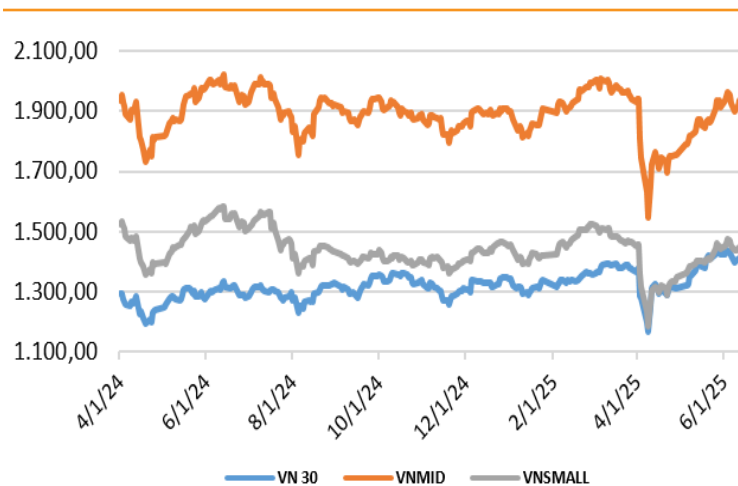
Cũng chịu tác động từ xung đột Israel – Iran, nhiều thị trường chứng khoán châu Á cũng ghi nhận một tuần điều chỉnh, trong đó chỉ số SET của Thái Lan giảm 1,21%, chỉ số STI của Singapore giảm 0,58%, chỉ số Shanghai của Trung Quốc giảm 0,25%....

3.5 Thị trường CKVN: Thị trường điều chỉnh tuần thứ 2 liên tiếp

VN-Index giảm điểm, kết tuần tại mức 1.315,49 điểm, giảm 1,08% sv tuần trước.

Các chỉ số VN30/VNMID/ VNSML đều giảm với mức giảm lần lượt là 1,25%/1,08%/1,41%.

P/E 12 tháng của VNINDEX đang giao dịch ở mức 12,9x.



- Với 2 phiên tăng điểm và 3 phiên giảm điểm, VN-Index ghi nhận tuần điều chỉnh thứ 2 liên tiếp. Kết tuần VN-index giảm 14,4 điểm (-1,08%) xuống 1.315,49 điểm. Thanh khoản giao dịch sụt giảm, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 788,7 triệu cp/phiên, giảm 12,5% so với tuần trước và thấp hơn 13,4% so với trung bình 4 tuần gần nhất.
- Khối ngoại chuyển sang mua ròng với giá trị mua ròng trên sàn HOSE là 347 tỷ đồng. Khối tự doanh các công ty chứng khoán cũng trở lại mua ròng với giá trị mua ròng trong tuần trên sàn HOSE là 1.339 tỷ đồng.
- Các mã CTG và TCB là những mã có đóng góp tích cực cho VNINDEX với mức kéo chỉ số tăng lần lượt 2,12 điểm và 1,48 điểm. Ở chiều ngược lại VIC và VHM là những mã kéo chỉ số giảm nhiều nhất, với mức kéo chỉ số giảm lần lượt 10,23 điểm và 7,27 điểm.

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam

Diễn biến điểm số và thanh khoản các nhóm ngành

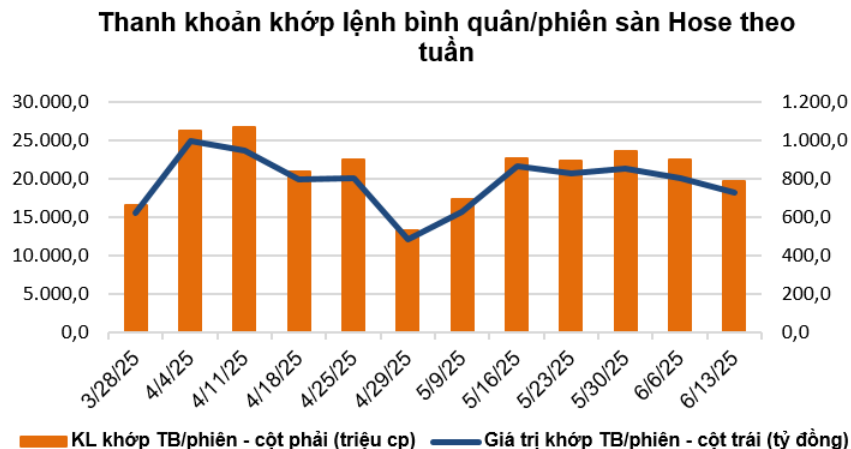
Ngành	1 tuần (%)	1 tháng (%)	Từ đầu năm 2025 (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	% thay đổi khối lượng (1 tuần)
Bán lẻ	4,8%	2,1%	4,6%	22,4	3,21	41,7%
Bảo hiểm	0,0%	0,0%	0,0%	13,9	1,39	0,0%
Bất động sản	-7,0%	9,4%	46,4%	16,1	1,57	-19,9%
Công nghệ TT	1,1%	0,0%	-20,8%	19,8	4,04	10,3%
Dầu khí	4,0%	8,2%	-2,6%	33,4	1,21	1,4%
Dịch vụ tài chính	-1,7%	1,3%	2,3%	18,1	1,36	-31,0%
Hóa chất	-1,0%	-0,8%	-6,1%	17,3	1,70	-2,2%
Ngân hàng	1,4%	2,2%	3,9%	9,1	1,42	10,9%
Tài nguyên cơ bản	0,2%	15,7%	29,3%	18,5	1,38	0,5%
Thực phẩm&Đồ uống	-0,4%	1,9%	-7,0%	17,07	2,56	-25,9%
Viễn thông	1,2%	2,8%	-15,7%	36,7	5,73	55,4%
Xây dựng & Vật liệu	-1,1%	26,1%	26,6%	10,4	1,36	-23,6%
VN-Index	-1,08%	1,71%	3,85%	12,94	1,67	-12,5%

Nhóm cổ phiếu Vingroup có 1 tuần điều chỉnh mạnh và ảnh hưởng nhiều đến các chỉ số chung, trong đó VIC (-11,8%), VHM (-10%), VRE (-7,3%). Nhóm Bất động sản cũng ghi nhận nhiều cổ phiếu điều chỉnh mạnh trong tuần qua như DIG (-6,9%), NTL (-6,2%), PDR (-5,9%), CII (-5,3%)...Nhóm Dịch vụ tài chính cũng chịu áp lực điều chỉnh trong đó VIX (-4,1%), BSI (-3,4%), SSI (-1,9%), VCI (-1,5%)...

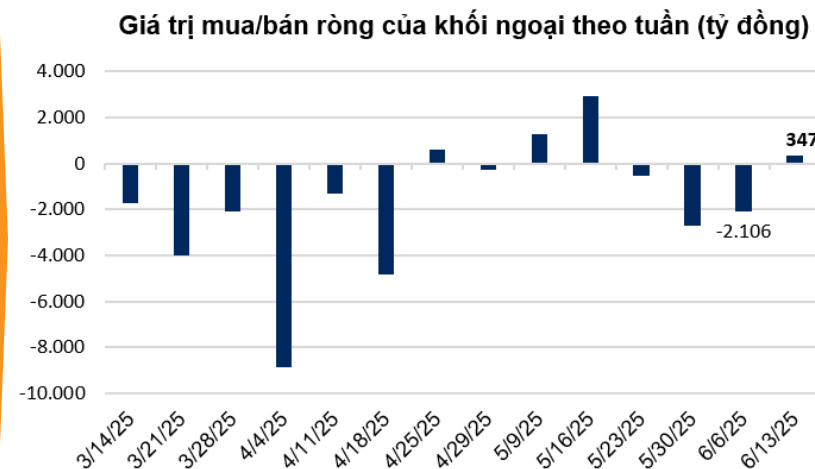
Ở chiều ngược lại nhóm cổ phiếu Dầu khí hưởng lợi trước thông tin xung đột Israel – Iran bùng phát khiến giá dầu thô tăng mạnh, nhiều cổ phiếu dầu khí bật tăng mạnh trong đó PVD (+4,9%), PLX (+4,2%), BSR (+3,1%), GAS (+2,2%)...Nhóm cổ phiếu Ngân hàng cũng tăng điểm trở lại sau một thời gian điều chỉnh và tích lũy, trong đó STB (+7,5%), OCB (+5,1%), CTG (+4,4%), TCB (+3%)...

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản sụt giảm và khối ngoại chuyển sang mua ròng

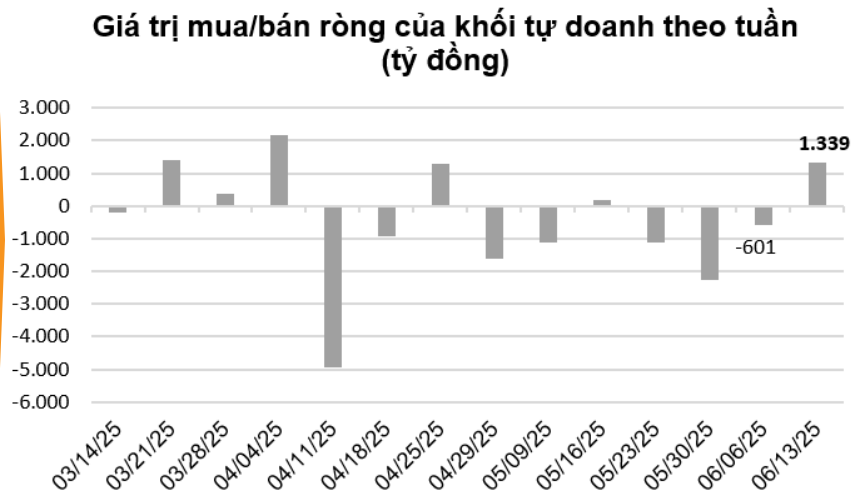
Thanh khoản khớp lệnh sụt giảm, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 788,7 triệu cp/phần, giảm 12,5% sv tuần trước và thấp hơn 13,4% so với trung bình 4 tuần gần nhất.



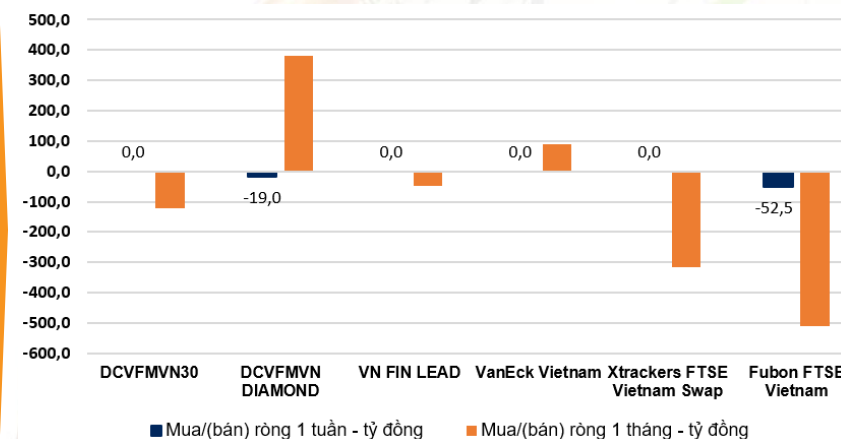
Nhà đầu tư nước ngoài chuyển sang mua ròng nhẹ, giá trị mua ròng trên sàn Hose trong tuần qua của nhà đầu tư nước ngoài là 347 tỷ đồng.



Khối tự doanh chuyển sang mua ròng, giá trị mua ròng trên sàn Hose trong tuần qua của khối tự doanh là 1.339 tỷ đồng.

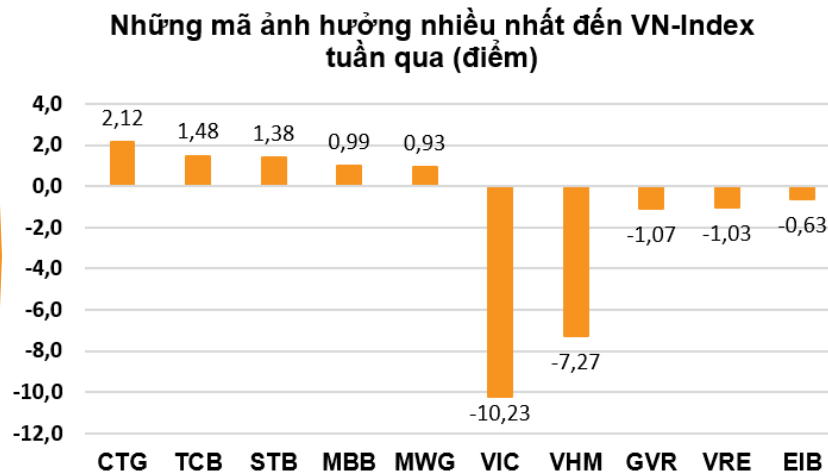


Một số quỹ ETF thực hiện giao dịch trong tuần qua. Trong đó quỹ Fubon bán ròng nhiều nhất với giá trị bán ròng là 52,5 tỷ đồng.

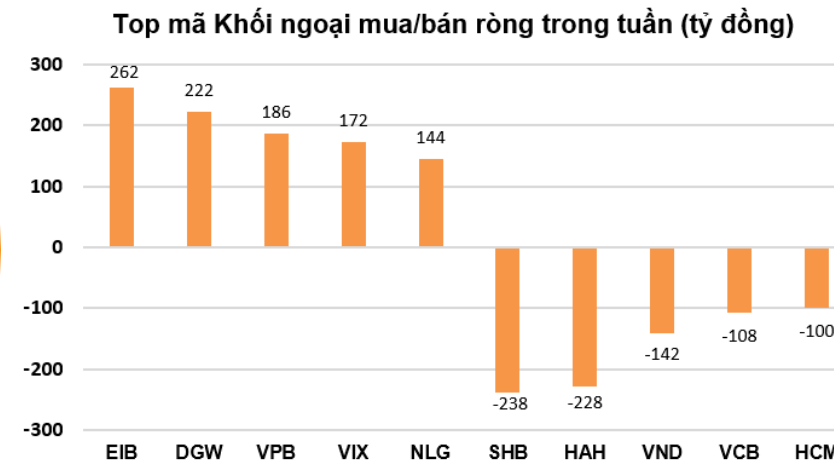


3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản sụt giảm và khối ngoại chuyển sang mua ròng

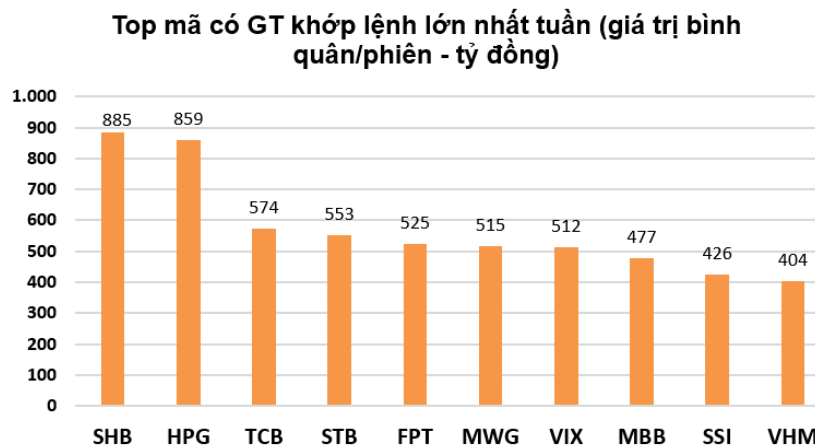
Các cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index trong tuần qua (mức tác động đến VNIndex - điểm)



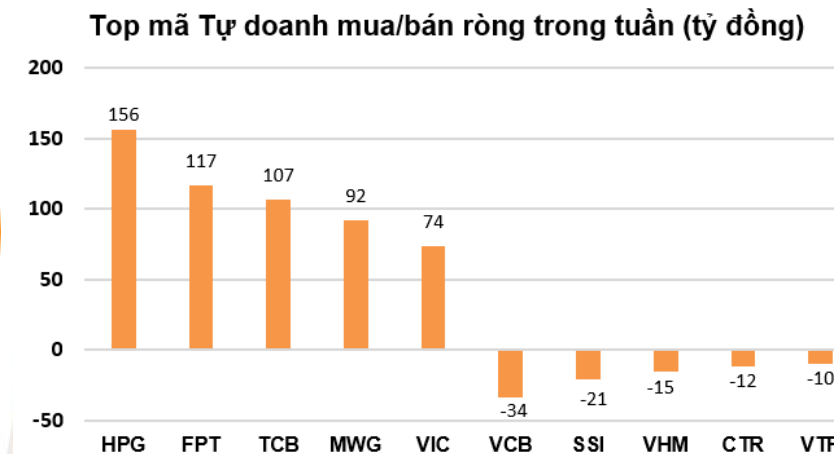
Trong tuần từ 09/06-13/06/2025 EIB là mã được khối ngoại mua ròng nhiều nhất với giá trị 262 tỷ đồng. Trong khi SHB là mã bị bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng 238 tỷ đồng.



SHB là mã có giá trị khớp lệnh lớn nhất trong tuần với giá trị khớp lệnh trung bình là 885 tỷ đồng/phiên, theo sau là các mã HPG và TCB với giá trị khớp lệnh trung bình/phiên lần lượt là 859 tỷ đồng và 574 tỷ đồng



Trong tuần từ 09/06-13/06/2025 HPG là mã được khối tự doanh mua ròng mạnh nhất với giá trị mua ròng 156 tỷ đồng, trong khi VCB là mã được khối này bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng là 34 tỷ đồng.



Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
1	CTD	08/05/2025	La Bàn Đầu Tư T5/25	-0,1%	2,6%	101.700	26,8%
2	MBB	08/05/2025	La Bàn Đầu Tư T5/25	2,9%	5,5%	28.600	15,1%
3	POW	06/03/2025	La Bàn Đầu Tư T3/25	-4,5%	5,8%	14.900	16,4%
4	PC1	06/03/2025	La Bàn Đầu Tư T3/25	-4,4%	-7,4%	27.100	23,7%
5	VCB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,2%	-4,0%	74.800	33,1%
6	HDB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-0,9%	2,1%	34.900	61,6%
7	MWG	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	4,5%	-2,5%	72.100	14,1%
8	FPT	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,3%	-20,5%	196.600	70,4%
9	ACV	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-0,9%	-23,7%	133.500	44,7%

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
10	BCM	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-2,3%	-17,4%	82.800	39,2%
11	IDC	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-2,9%	-22,2%	62.700	55,6%
12	GMD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-3,3%	-7,3%	73.700	32,6%
13	KDH	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-1,2%	-14,3%	41.300	41,2%
14	PVD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	4,9%	-8,7%	30.900	51,1%
15	PLX	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,8%	-5,2%	46.100	22,3%
16	DCM	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	1,0%	1,5%	42.700	25,2%
17	HPG	08/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	1,3%	4,4%	41.000	55,3%
18	KBC	05/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	-4,3%	-17,3%	40.000	63,9%
19	VNM	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	0,4%	-12,7%	80.600	45,2%

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
20	QNS	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	-0,8%	0,3%	65.100	38,2%
21	HSG	06/03/2024	La bàn đầu tư T3/2024	0,6%	-16,4%	34.000	108,6%
22	PNJ	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	3,0%	-20,1%	114.400	46,7%
23	VPB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	2,0%	-4,5%	23.700	30,6%
24	SCS	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	1,9%	-28,3%	95.100	50,5%
25	HDG	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-0,6%	-14,5%	32.500	33,2%
26	NLG	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24	0,5%	-10,8%	45.800	22,3%
27	TPB	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24	0,8%	-20,2%	21.000	59,1%
28	HHV	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	-2,4%	-5,8%	19.500	61,8%

Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
1	CTG	04/12/2023	La Bàn Đầu Tư T12/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	34.600	07/02/2024
2	GMD	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	81.000	01/03/2024
3	VHC	02/10/2023	La bàn đầu tư T10/23	Tín hiệu phục hồi từ xuất khẩu	74.000	04/03/2024
4	DGW	02/11/2023	La Bàn Đầu Tư T11/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.600	08/03/2024
5	PNJ	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Nhu cầu tiêu dùng phục hồi	99.900	13/03/2024
6	MBB	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	25.400	22/03/2024
7	IDC	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	62.700	06/05/2024
8	MWG	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.500	15/05/2024
9	PHR	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	61.200	16/05/2024
10	PVS	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Hoạt động E&P sẽ ngày càng sôi động	46.500	20/05/2024

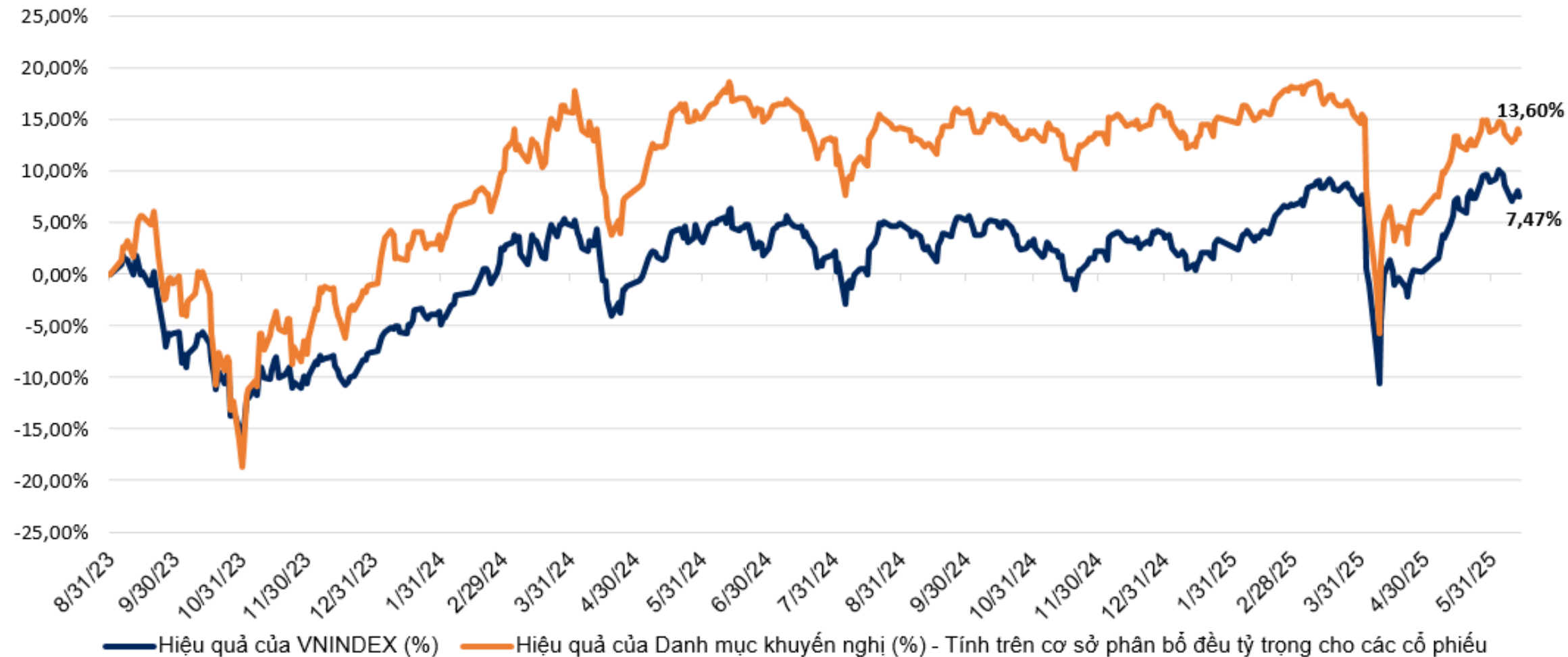
Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
11	BAF	06/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	Tăng trưởng mạnh trên nền thấp	23.000	29/05/2024
12	HAH	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	46.100	10/06/2024
13	FPT	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	Triển vọng chất bán dẫn	135.900	21/06/2024
14	PLX	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Nhu cầu xăng dầu trong nước vẫn mạnh mẽ	47.100	15/07/2024
15	HAH	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Hoạt động thương mại phục hồi	48.000	14/11/2024
16	BAF	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Tiêu dùng nội địa phục hồi	26.800	18/12/2024
17	CTD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025		78.900	05/02/2025
18	CTG	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24		39.900	07/02/2025
19	PHR	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24		61.200	20/02/2025

Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
20	BAF	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	32.000	24/02/2025
21	VIB	05/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	21.2000	05/03/2025
22	MBB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	24.700	07/03/2025
23	HAH	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	55.900	15/04/2025
24	BMP	06/03/2025	La Bàn Đầu Tư T3/25	140.000	23/04/2025
25	TCB	08/05/2025	La Bàn Đầu Tư T5/25	29.800	14/05/2025
26	VHM	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	66.400	21/05/2025
27	STB	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24	41.500	21/05/2025

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị



THANK YOU

VNDIRECT RESEARCH

Email: research@vndirect.com.vn

